TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 20/6/1987; nơi cư trú: Số nhà 134, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/4/1990; nơi cư trú: Ấp My, xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A trình bày:

Bà với ông Nguyễn Đức T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 211 ngày 03/10/2022. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nguyễn Đức T không lo làm ăn, thường xuyên ghen tuông, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng bà đã không chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T

Bà với ông Nguyễn Đức T không có con chung, không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Trúc A tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn như bà Nguyễn Thị Trúc A trình bày.Vợ chồng ông không chung sống, không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau từ ngày mùng 9 Tết năm 2023 đến nay. Ông nghĩ vợ ông còn thương ông nhưng do sợ ông ngăn cản việc đi xuất khẩu lao động nên vợ ông không chung sống với ông. Nay ông còn yêu thương vợ nhưng không biết vợ ông sinh sống tại đâu. Ông đã đi tìm vợ ông nhiều nơi nhưng không gặp. Vợ ông cũng đã không làm việc tại công ty cũ. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc A.

Ông với bà Nguyễn Thị Trúc A không có con chung, không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 03/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng xuất phát từ hai bên do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường hay cãi nhau, đã không chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày còn yêu thương bà Nguyễn Thị Trúc A. Phía bà Nguyễn Thị Trúc A kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T đã mâu thuẫn, tình cảm không còn, không sống chung với nhau nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc A là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T không có con chung, không có tài sản, không có nợ chung ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Nguyễn Thị Trúc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T cư trú tại xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là Ly hôn và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Nguyễn Thị Trúc A với anh Nguyễn Đức T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo pháp luật. Tại Trích lục kết hôn số 2796/TLKH-BS ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã M huyện Châu Phú tỉnh An Giang thể hiện bà Nguyễn Thị Trúc A và ông Nguyễn Đức T được Ủy ban nhân dân xã M chứng nhận kết hôn số 211 ngày 03/10/2022. Vậy, bà Bà Nguyễn Thị Trúc A với anh Nguyễn Đức T xác lập quan hệ vợ chồng.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị Trúc A kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, hành động ghen tuông của ông Thắng làm bà lo lắng, sợ hãi. Ông Nguyễn Đức T trình bày còn yêu thương bà Nguyễn Thị Trúc A nhưng từ Tết năm 2023 đến nay ông không biết bà Trúc A ở đâu, không liên lạc và không nói chuyện. Vậy, Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T đã phát sinh mâu thuẫn nên đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Bà Trúc A với ông Đức Thắng đã không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc A

[2.3] Bà Nguyễn Thị Trúc A với anh Nguyễn Đức T thống nhất không có con chung, không có tài sản chung, không nợ chung ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị Trúc A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc A với ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải

quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005264 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp